



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen  
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 30 tháng 9 năm 2022**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận** 3700381324 ngày 8 tháng 8 năm 2001  
**Đăng ký Doanh nghiệp**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 16 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

**Hội đồng Quản trị** Ông Lê Phước Vũ Chủ tịch  
Ông Trần Ngọc Chu Phó Chủ tịch  
Ông Trần Quốc Trí Thành viên  
Ông Lý Văn Xuân Thành viên  
Ông Nguyễn Văn Luân Thành viên  
Ông Đinh Viết Duy Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc** Ông Trần Quốc Trí Tổng Giám đốc  
Ông Vũ Văn Thanh Phó Tổng Giám đốc  
Ông Hoàng Đức Huy Phó Tổng Giám đốc  
Ông Trần Quốc Phẩm Phó Tổng Giám đốc  
Ông Nguyễn Ngọc Huy Phó Tổng Giám đốc  
Ông Trần Thành Nam Phó Tổng Giám đốc  
Ông Nguyễn Tấn Hòa Phó Tổng Giám đốc  
Ông Nguyễn Minh Phúc Quyền Phó Tổng Giám đốc  
(từ ngày 21 tháng 2 năm 2022)  
Ông Hồ Thanh Hiếu Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 6 tháng 10 năm 2022)

**Người đại diện theo pháp luật** Ông Lê Phước Vũ Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ông Trần Ngọc Chu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ông Trần Quốc Trí Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Số 9, Đại lộ Thống Nhất  
Khu Công nghiệp Sóng Thần II  
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An  
Tỉnh Bình Dương  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  
Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 12 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00194-22-2

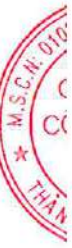


  
Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2022**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>9.834.993.231.398</b>	<b>18.655.160.349.585</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>330.134.957.719</b>	<b>492.796.782.190</b>
Tiền	111		312.367.302.226	461.926.662.510
Các khoản tương đương tiền	112		17.767.655.493	30.870.119.680
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.698.661.821</b>	<b>28.003.792.159</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	8.698.661.821	28.003.792.159
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.452.105.119.089</b>	<b>4.534.902.423.539</b>
Phải thu của khách hàng	131	7(a)	1.185.661.917.716	4.323.663.158.680
Trả trước cho người bán	132	8	117.395.280.068	68.897.236.027
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	162.755.089.894	159.191.323.984
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7(c)	(13.707.168.589)	(16.849.295.152)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>7.395.309.339.966</b>	<b>12.349.095.948.022</b>
Hàng tồn kho	141		8.110.988.499.714	12.555.990.962.429
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(715.679.159.748)	(206.895.014.407)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>648.745.152.803</b>	<b>1.250.361.403.675</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	139.831.025.949	136.435.025.777
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		372.839.784.442	1.108.616.194.136
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	136.074.342.412	5.310.183.762

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.190.417.956.533</b>	<b>7.962.869.653.354</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>171.495.291.600</b>	<b>179.887.837.400</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	171.495.291.600	179.887.837.400
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.958.828.374.791</b>	<b>6.662.061.653.393</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.754.616.934.906	6.442.809.695.940
Nguyên giá	222		14.086.733.048.716	13.671.862.519.864
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.332.116.113.810)	(7.229.052.823.924)
Tài sản cố định vô hình	227	12	204.211.439.885	219.251.957.453
Nguyên giá	228		293.960.791.261	294.517.358.918
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(89.749.351.376)	(75.265.401.465)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>603.535.433.172</b>	<b>660.329.384.725</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	603.535.433.172	660.329.384.725
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	17.000.000.000	17.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>439.558.856.970</b>	<b>443.590.777.836</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	295.431.936.752	263.776.212.655
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	144.126.920.218	179.814.565.181
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>17.025.411.187.931</b>	<b>26.618.030.002.939</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**


Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.141.841.220.117</b>	<b>15.786.236.174.085</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.009.187.395.647</b>	<b>14.372.246.601.418</b>
Phải trả người bán	311	16	1.039.714.645.178	4.293.881.185.244
Người mua trả tiền trước	312		192.124.686.232	268.020.163.980
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	81.565.802.418	346.182.368.564
Phải trả người lao động	314		86.424.884.228	79.744.676.730
Chi phí phải trả	315	18	297.172.261.839	298.559.691.259
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	34.991.769.952	3.574.141.589.235
Vay ngắn hạn	320	20(a)	4.070.493.519.978	5.436.688.415.777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	206.699.825.822	75.028.510.629
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>132.653.824.470</b>	<b>1.413.989.572.667</b>
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay dài hạn	338	20(b)	116.525.575.061	1.399.362.118.340
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	15.418.749.409	13.917.954.327
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>10.883.569.967.814</b>	<b>10.831.793.828.854</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>10.883.569.967.814</b>	<b>10.831.793.828.854</b>
Vốn cổ phần	411	24	5.980.549.860.000	4.934.818.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.980.549.860.000	4.934.818.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.499.009.876	90.695.201.265
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.542.183.640.565	5.633.071.186.571
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.290.842.310.436	1.383.841.163.863
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		251.341.330.129	4.249.230.022.708
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.044.918.305	15.915.941.950
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>17.025.411.187.931</b>	<b>26.618.030.002.939</b>

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
 Kế toán

  
 Nguyễn Thị Ngọc Lan  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
 Trần Quốc Trí  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	50.090.135.318.501	48.987.333.712.285
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	379.499.367.034	260.811.478.549
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>49.710.635.951.467</b>	<b>48.726.522.233.736</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	44.771.944.789.711	39.853.124.052.753
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.938.691.161.756</b>	<b>8.873.398.180.983</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	266.806.826.568	366.296.112.404
Chi phí tài chính	22	29	520.873.319.472	552.008.300.634
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>260.241.924.339</i>	<i>355.048.548.813</i>
Chi phí bán hàng	25	30	3.832.642.500.065	3.344.487.236.554
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	522.227.362.422	425.816.363.938
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>329.754.806.365</b>	<b>4.917.382.392.261</b>
Thu nhập khác	31	32	58.502.790.706	14.708.414.685
Chi phí khác	32		7.128.135.611	16.607.736.066
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>51.374.655.095</b>	<b>(1.899.321.381)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>381.129.461.460</b>	<b>4.915.483.070.880</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	94.121.510.013	702.566.164.265
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	35.687.644.963	(100.577.155.644)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b> (mang sang trang sau)	<b>60</b>		<b>251.320.306.484</b>	<b>4.313.494.062.259</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		251.320.306.484	4.313.494.062.259
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		251.341.330.129	4.313.507.233.783
Lãi sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(21.023.645)	(13.171.524)
			Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022	30/9/2021
			VND	VND
				Được điều chỉnh lại
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	405	7.032

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:

*[Signature]*

Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt:

*[Signature]*

Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>381.129.461.460</b>	<b>4.915.483.070.880</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		1.159.936.099.089	1.185.959.400.847
Các khoản dự phòng	03		507.142.813.860	156.375.293.473
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.628.540.304)	(4.523.936.793)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(26.083.512.624)	(111.174.418.192)
Chi phí lãi vay	06		260.241.924.339	355.048.548.813
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.277.738.245.820</b>	<b>6.497.167.959.028</b>
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		3.842.273.521.768	(2.857.778.927.583)
Biến động hàng tồn kho	10		4.445.002.462.715	(6.987.119.321.159)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.956.019.847.718)	5.855.275.980.310
Biến động chi phí trả trước	12		4.410.046.030	33.403.745.158
			<b>3.613.404.428.615</b>	<b>2.540.949.435.754</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(267.259.703.670)	(351.638.503.121)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(384.553.756.705)	(629.606.456.169)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(117.030.852.331)	(63.628.027.964)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.844.560.115.909</b>	<b>1.496.076.448.500</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(463.432.669.800)	(476.856.734.594)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	27.693.105.782	7.727.197.097
Tiền chi cho vay	23	-	(14.446.000.000)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(23.015.588.323)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24	19.305.130.338	19.446.000.000
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26	-	188.062.042.687
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	27	8.080.954.013	3.424.914.740
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(408.353.479.667)</b>	<b>(295.658.168.393)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	49.008.000.000	44.000.000.000
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	32	-	8.980.355.547
Tiền thu từ nhận góp vốn vào công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32	150.000.000	14.446.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	32.656.059.182.202	38.252.605.550.541
Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.355.532.973.645)	(39.543.878.574.152)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(60.381.309.809)
Tiền trả cổ tức	36	(393.643.500)	(307.131.948)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.650.709.434.943)</b>	<b>(1.284.535.109.821)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(214.502.798.701)</b>	<b>(84.116.829.714)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>492.796.782.190</b>	<b>574.767.066.704</b>
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>51.840.974.230</b>	<b>2.146.545.200</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>330.134.957.719</b>	<b>492.796.782.190</b>

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
 Kế toán

Người duyệt:

  
 Nguyễn Thị Ngọc Lan  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Quốc Trí  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tập đoàn có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2021: 9 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:



042-0

NHÁI

TY T

PMC

HỒ C

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết 30/9/2022 1/10/2021	
<b>Các công ty con</b>			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	99,95%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tập đoàn có 7.994 nhân viên (1/10/2021: 7.584 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 20 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí san lấp mặt bằng**

Chi phí san lấp mặt bằng bao gồm tiền chi ra cho việc san lấp mặt bằng tiền xây dựng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 49 năm 8 tháng.

**(iii) Chi phí thuê**

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Bảng hiệu quảng cáo**

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(v) Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và ngày 1 tháng 10 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 và năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước VND</b>	<b>Nước ngoài VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Năm kết thúc ngày</b>			
<b>30 tháng 9 năm 2022</b>			
Doanh thu thuần	24.718.845.662.520	24.991.790.288.947	49.710.635.951.467
Giá vốn	(22.730.547.636.903)	(22.041.397.152.808)	(44.771.944.789.711)
	<b>1.988.298.025.617</b>	<b>2.950.393.136.139</b>	<b>4.938.691.161.756</b>
<b>Năm kết thúc ngày</b>			
<b>30 tháng 9 năm 2021</b>			
Doanh thu thuần	20.397.366.150.732	28.329.156.083.004	48.726.522.233.736
Giá vốn	(14.272.927.853.826)	(25.580.196.198.927)	(39.853.124.052.753)
	<b>6.124.438.296.906</b>	<b>2.748.959.884.077</b>	<b>8.873.398.180.983</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Tiền mặt	16.020.557.918	14.457.442.293
Tiền gửi ngân hàng	296.346.744.308	447.299.736.438
Tiền đang chuyển	-	169.483.779
Các khoản tương đương tiền (*)	17.767.655.493	30.870.119.680
	<hr/>	<hr/>
	330.134.957.719	492.796.782.190

- (\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 4,6% (1/10/2021: từ 3,0% đến 4,0%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 17.768 triệu VND (1/10/2021: 30.870 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 4% đến 4,9% (1/10/2021: từ 3,7% đến 4,9%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 3.132 triệu VND và 566 triệu VND lần lượt được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1/10/2021: 4.472 triệu VND được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	17.000.000.000	17.000.000.000

(\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

(\*\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/9/2022		1/10/2021			
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)	49%	-	-	49%	-	-

(\*) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Duferco Sa	244.637.500.168	579.108.806.311
Posco International Corporation	-	439.530.448.796
Hanwa Co., Ltd – Nagoya Branch	-	641.244.798.681
Các khách hàng khác	941.024.417.548	2.663.779.104.892
	<hr/>	<hr/>
	1.185.661.917.716	4.323.663.158.680

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	-	51.333.808
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/9/2022				1/10/2021			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây Dựng Mê Kông	Trên 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	Từ 3 – 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	Trên 6 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 5 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	Trên 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Từ 2 – 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 6 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Các khách hàng khác	Từ 2 đến trên 5 năm	8.246.557.128	(8.246.557.128)	-	Từ 2 đến trên 5 năm	11.388.683.691	(11.388.683.691)	-
		<b>13.707.168.589</b>	<b>(13.707.168.589)</b>	<b>-</b>		<b>16.849.295.152</b>	<b>(16.849.295.152)</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Số dư đầu năm	16.849.295.152	25.697.687.528
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(3.142.126.563)	(8.848.392.376)
Số dư cuối năm	13.707.168.589	16.849.295.152

**8. Trả trước cho người bán**

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	15.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vicenza	14.763.244.800	-
Các nhà cung cấp khác	87.032.035.268	68.897.236.027
	117.395.280.068	68.897.236.027

**9. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Tạm ứng để mua đất	53.832.470.000	54.319.725.000
Tạm ứng cho người lao động	32.492.267.608	26.773.764.951
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Tạm ứng bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	35.975.205.196	38.929.346.750
Phải thu khác	7.636.372.090	6.349.712.283
	162.755.089.894	159.191.323.984

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.448.000.000	1.470.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000
	<b>1.493.462.225.000</b>	<b>1.915.462.225.000</b>

Các khoản phải thu khác từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	161.495.291.600	178.887.837.400
Phải thu khác	10.000.000.000	1.000.000.000
	<b>171.495.291.600</b>	<b>179.887.837.400</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	30/9/2022		1/10/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	121.427.071.099	-	1.105.140.612.021	-
Nguyên vật liệu	3.048.486.580.997	(417.399.664.065)	4.603.302.420.591	(29.198.980.627)
Công cụ và dụng cụ	603.798.226.059	-	554.815.549.339	-
Sản phẩm dở dang	4.834.046	-	-	-
Thành phẩm	2.788.849.194.981	(224.568.764.408)	4.068.877.356.961	(167.365.717.233)
Hàng hóa	1.548.422.592.532	(73.710.731.275)	2.223.855.023.517	(10.330.316.547)
	<u>8.110.988.499.714</u>	<u>(715.679.159.748)</u>	<u>12.555.990.962.429</u>	<u>(206.895.014.407)</u>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 4.603.003 triệu VND (1/10/2021: 8.449.472 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Số dư đầu năm	206.895.014.407	45.033.969.069
Trích lập dự phòng trong năm	508.784.145.341	161.861.045.338
Số dư cuối năm	<u>715.679.159.748</u>	<u>206.895.014.407</u>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.544.183.265.230	10.533.618.286.279	479.413.547.512	87.597.045.920	27.050.374.923	13.671.862.519.864
Tăng trong năm	5.414.939.528	62.094.207.226	11.396.210.000	-	-	78.905.356.754
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	296.985.647.887	65.610.464.471	23.347.005.222	-	1.472.949.719	387.416.067.299
Thanh lý	(2.354.196.948)	(39.197.837.991)	(5.981.500.000)	-	-	(47.533.534.939)
Xóa sổ	(1.107.911.758)	(2.809.448.504)	-	-	-	(3.917.360.262)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.843.121.743.939</b>	<b>10.619.315.671.481</b>	<b>508.175.262.734</b>	<b>87.597.045.920</b>	<b>28.523.324.642</b>	<b>14.086.733.048.716</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	816.565.666.987	6.011.871.404.702	320.794.574.143	57.152.377.505	22.668.800.587	7.229.052.823.924
Khấu hao trong năm	129.746.625.447	947.426.570.617	55.216.944.250	10.565.077.271	2.460.524.716	1.145.415.742.301
Thanh lý	(2.354.196.948)	(30.866.554.913)	(5.735.707.551)	-	-	(38.956.459.412)
Xóa sổ	(974.284.666)	(2.421.708.337)	-	-	-	(3.395.993.003)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>942.983.810.820</b>	<b>6.926.009.712.069</b>	<b>370.275.810.842</b>	<b>67.717.454.776</b>	<b>25.129.325.303</b>	<b>8.332.116.113.810</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.727.617.598.243	4.521.746.881.577	158.618.973.369	30.444.668.415	4.381.574.336	6.442.809.695.940
Số dư cuối năm	1.900.137.933.119	3.693.305.959.412	137.899.451.892	19.879.591.144	3.393.999.339	5.754.616.934.906

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.974.982 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (1/10/2021: 1.700.044 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.165.082 triệu VND (1/10/2021: 5.317.975 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

## 12. Tài sản cố định vô hình

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	235.025.409.765	59.491.949.153	294.517.358.918
Thanh lý	(556.567.657)	-	(556.567.657)
Số dư cuối năm	234.468.842.108	59.491.949.153	293.960.791.261
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	44.524.503.020	30.740.898.445	75.265.401.465
Khấu hao trong năm	3.453.290.992	11.067.065.796	14.520.356.788
Thanh lý	(36.406.877)	-	(36.406.877)
Số dư cuối năm	47.941.387.135	41.807.964.241	89.749.351.376
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	190.500.906.745	28.751.050.708	219.251.957.453
Số dư cuối năm	186.527.454.973	17.683.984.912	204.211.439.885

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 751 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (1/10/2021: 456 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 86.072 triệu VND (1/10/2021: 88.587 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Số dư đầu năm	660.329.384.725	575.955.787.725
Tăng trong năm	370.155.829.650	356.566.427.659
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(387.416.067.299)	(175.043.795.046)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(4.090.028.316)	(3.716.322.363)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(35.371.741.983)	(15.526.908.150)
Thanh lý	(71.943.605)	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(77.905.805.100)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>603.535.433.172</b>	<b>660.329.384.725</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	36.415.101.440	39.849.832.160
Chi phí xây dựng và nâng cấp dự án Hoa Sen Home	73.383.240.019	169.996.445.030
Chi phí xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	382.406.762.021	368.688.188.434
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	11.500.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	19.269.541.640	7.669.310.346
Các công trình khác	41.766.716.052	23.831.536.755
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>603.535.433.172</b>	<b>660.329.384.725</b>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 5.249 triệu VND (năm kết thúc ngày 30/9/2021: 15.080 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê trả trước	66.582.136.763	61.118.651.512
Công cụ và dụng cụ	36.899.099.334	47.490.066.391
Chi phí quảng cáo	7.532.677.931	4.977.085.978
Chi phí sửa chữa	6.857.793.038	5.401.342.918
Phí bảo hiểm	7.713.933.585	2.708.146.140
Chi phí tư vấn	815.945.168	430.991.668
Chi phí khác	13.429.440.130	14.308.741.170
	<b>139.831.025.949</b>	<b>136.435.025.777</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	92.167.184.244	82.143.471.550
Chi phí san lấp mặt bằng	73.245.496.479	74.922.871.392
Chi phí thuê trả trước	52.877.446.322	49.633.658.164
Chi phí sửa chữa	28.347.650.038	19.284.076.785
Bảng hiệu quảng cáo	25.982.420.589	15.059.349.254
Chi phí khác	22.811.739.080	22.732.785.510
	<b>295.431.936.752</b>	<b>263.776.212.655</b>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>Năm kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2022</b>	<b>30/9/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	263.776.212.655	272.734.770.282
Tăng trong năm	111.289.231.475	95.839.433.370
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	35.371.741.983	15.526.908.150
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(3.500.000)
Phân bổ trong năm	(110.828.182.745)	(118.232.051.179)
Thanh lý và xóa sổ	(4.177.066.616)	(2.089.347.968)
	<b>295.431.936.752</b>	<b>263.776.212.655</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	4.864.444.988	80.651.828.368
▪ Chi phí phải trả	90.736.147.414	74.249.427.448
▪ Các khoản dự phòng	48.526.327.816	24.913.309.365
	144.126.920.218	179.814.565.181

**16. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/9/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	484.333.050.520	1.779.225.472.530
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	-	622.557.774.639
Xiamen ITG Group Corp., Ltd.	-	630.195.444.218
Các nhà cung cấp khác	555.381.594.658	1.261.902.493.857
	1.039.714.645.178	4.293.881.185.244

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/9/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	3.670.024.946	8.280.625.262
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	4.350.064.783	6.872.127.178

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/10/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số phải loại lại VND	30/9/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	172.833.692.038	12.393.356.895.819	(1.472.076.372.459)	(11.027.101.924.754)	-	67.012.290.644
Thuế xuất nhập khẩu	165.867.784	2.433.689.867	(2.519.983.542)	-	-	79.574.109
Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.530.100.652	94.121.510.013	(384.553.756.705)	-	130.713.156.863	11.811.010.823
Thuế thu nhập cá nhân	1.563.187.370	45.268.074.576	(42.955.560.725)	(1.263.298.157)	50.052.418	2.662.455.482
Thuế khác	89.520.720	2.948.992.059	(3.038.990.788)	-	949.369	471.360
	346.182.368.564	12.538.129.162.334	(1.905.144.664.219)	(11.028.365.222.911)	130.764.158.650	81.565.802.418

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/10/2021 VND	Số đã nộp VND	Số phải loại lại VND	30/9/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.296.564.045	-	130.713.156.863	136.009.720.908
Thuế thu nhập cá nhân	13.619.717	-	50.052.418	63.672.135
Các loại thuế khác	-	-	949.369	949.369
	5.310.183.762	-	130.764.158.650	136.074.342.412

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương và thưởng	232.043.282.166	211.122.463.563
Chi phí tiền điện	14.202.019.186	643.394.816
Chi phí vận chuyển	8.961.490.341	43.680.114.673
Xây dựng cơ bản dở dang	8.810.441.608	13.331.759.284
Chi phí lãi vay	3.811.101.871	10.828.881.202
Chi phí dự phòng thuế	-	5.543.056.774
Chi phí khác	29.343.926.667	13.410.020.947
	297.172.261.839	298.559.691.259

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	16.095.878.082	54.628.952.727
Cổ tức phải trả	3.546.546.977	3.940.190.477
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.590.979.890	1.270.131.710
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	-	3.503.256.652.175
Phải trả khác	12.758.365.003	11.045.662.146
	34.991.769.952	3.574.141.589.235

(\*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nghệ An và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành với kỳ hạn trả chậm từ 90 ngày đến 120 ngày. Đến ngày đáo hạn, nếu Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự động chuyển đổi thành các khoản vay.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/10/2021		Biến động trong năm		30/9/2022	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	4.829.888.415.777	32.656.059.182.202	(33.900.832.799.628)	50.442.352.365	3.635.557.150.716	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	606.800.000.000	1.062.936.369.262	(1.234.800.000.000)	-	434.936.369.262	
	5.436.688.415.777	33.718.995.551.464	(35.135.632.799.628)	50.442.352.365	4.070.493.519.978	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>30/9/2022 VND</b>	<b>1/10/2021 VND</b>
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	67.760.505.201	75.643.458.480
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	1.299.533.881.430	777.548.744.645
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.338.014.916.558	60.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	151.710.297.416	1.453.181.080.932
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	-	347.681.380.658
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	421.607.418.953	1.186.536.814.890
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(v)	VND	-	56.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	VND	266.930.131.158	34.366.092.843
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	USD	-	384.498.035.750
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	VND	-	66.934.425.013
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	-	60.626.701.580
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	USD	-	73.836.076.658
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(ix)	VND	-	8.440.160.000
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(x)	VND	-	67.617.983.015
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	VND	-	75.695.575.053
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	USD	-	101.281.886.260
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(xii)	VND	90.000.000.000	-
			<b>3.635.557.150.716</b>	<b>4.829.888.415.777</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất		Tài sản đảm bảo
			30/9/2022	1/10/2021	
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	4.000 tỷ VND	3,86% - 4,10% 2,50%	3,50% 1,50% - 2,00%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, khoản phải thu
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.400 tỷ VND	4,50% - 5,0% 1,60% - 1,90%	3,50% 1,30%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, khoản phải thu
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	-	3,50% - 3,80%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	4,30% - 5,0%	3,35%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con
v. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	-	3,30%	Không có tài sản đảm bảo
vi. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	23 triệu USD	4,30% - 5,20% -	3,00% 1,60%	Hàng tồn kho
vii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	3 triệu USD	-	3,00%	Hàng tồn kho



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			30/9/2022	1/10/2021
viii. Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	6,6 triệu USD	- -	3,20% - 3,30% 1,40% Hàng tồn kho
ix. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	200 tỷ VND	-	3,10% - 4,40% Tài sản cố định và hàng tồn kho
x. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	500 tỷ VND	-	3,90% Không có tài sản đảm bảo
xi. Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	15 triệu USD	- -	3,60% 1,50% Không có tài sản đảm bảo
xii. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND	5,50%	- Hàng tồn kho

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/9/2022</b>	<b>1/10/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	551.461.944.323	2.006.162.118.340
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(434.936.369.262)	(606.800.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	116.525.575.061	1.399.362.118.340

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2021 – 2024	477.211.274.881	1.589.211.274.881
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái		VND	2025 – 2026	-	43.143.626.357
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương		VND	2022 – 2023	-	167.056.547.660
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(ii)	VND	2024	74.250.669.442	206.750.669.442
				<b>551.461.944.323</b>	<b>2.006.162.118.340</b>

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2021: 7,6%).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 7,7% đến 9,1% (1/10/2021: từ 8,2% đến 9,2%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	75.028.510.629	43.062.695.661
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 23)	172.540.289.352	46.120.560.692
Sử dụng quỹ trong năm	(40.868.974.159)	(14.154.745.724)
Số dư cuối năm	206.699.825.822	75.028.510.629

**22. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.917.954.327	10.555.313.816
Trích lập dự phòng trong năm	1.500.795.082	3.362.640.511
Số dư cuối năm	15.418.749.409	13.917.954.327

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2020</b>	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	1.954.018.045.161	6.620.370.817	6.590.738.511.323
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	4.313.507.233.783	(13.171.524)	4.313.494.062.259
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (i)	444.566.830.000	-	-	-	(444.566.830.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	44.000.000.000	-	-	-	-	-	44.000.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	5.709.355.547	3.271.000.000	-	-	-	8.980.355.547
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46.120.560.692)	-	(46.120.560.692)
Trích thưởng hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	(39.134.000.000)	-	(39.134.000.000)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	-	104.632.701.681	(104.632.701.681)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(49.473.282.240)	-	-	(49.473.282.240)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	14.446.000.000	14.446.000.000
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(5.137.257.343)	(5.137.257.343)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	251.341.330.129	(21.023.645)	251.320.306.484
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (i)	996.722.900.000	-	-	-	(996.722.900.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	49.008.000.000	-	-	-	-	-	49.008.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(172.540.289.352)	-	(172.540.289.352)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(76.161.878.172)	-	-	(76.161.878.172)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	-	187.499.009.876	4.542.183.640.565	16.044.918.305	10.883.569.967.814

(i) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 99.672.290 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 13 tháng 1 năm 2020 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 24 tháng 5 năm 2021, Công ty đã phát hành 44.456.683 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thông qua và triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản trị - điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2022. Theo đó, Công ty đã phát hành 4.900.800 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 1 năm 2021 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 8 năm 2021, Công ty đã thông qua và triển khai phát hành 4.400.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).
- (iii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã trích lập 172.966 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu năm (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 40.356 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu năm và vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập 64.277 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế của năm) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2022		1/10/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2022		30/9/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	493.481.896	4.934.818.960.000	444.625.213	4.446.252.130.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	99.672.290	996.722.900.000	44.456.683	444.566.830.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	4.900.800	49.008.000.000	4.400.000	44.000.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>598.054.986</b>	<b>5.980.549.860.000</b>	<b>493.481.896</b>	<b>4.934.818.960.000</b>

## 25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Trong vòng một năm	198.973.265.573	183.481.962.474
Từ hai đến năm năm	703.574.405.633	691.377.536.840
Trên năm năm	686.945.120.839	693.964.700.288
	<b>1.589.492.792.045</b>	<b>1.568.824.199.602</b>

### (b) Ngoại tệ

	30/9/2022		1/10/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.958.901	46.478.174.548	10.572.802	239.562.452.177

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các công trình xây dựng của Tập đoàn:

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	70.506.807.558	135.317.792.924

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	23.391.212.646.138	22.762.662.833.195
▪ Bán hàng hóa	26.679.991.736.818	26.204.556.855.059
▪ Dịch vụ cung cấp và doanh thu khác	18.930.935.545	20.114.024.031
	50.090.135.318.501	48.987.333.712.285
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	354.367.561.104	238.263.060.549
▪ Hàng bán bị trả lại	22.089.020.245	21.567.893.928
▪ Giảm giá hàng bán	3.042.785.685	980.524.072
	379.499.367.034	260.811.478.549
Doanh thu thuần	49.710.635.951.467	48.726.522.233.736

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	20.323.022.949.353	16.700.658.638.817
▪ Hàng hóa đã bán	23.925.122.178.748	22.971.222.896.369
▪ Dịch vụ cung cấp và giá vốn khác	15.015.516.269	19.381.472.229
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	508.784.145.341	161.861.045.338
	44.771.944.789.711	39.853.124.052.753

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Lãi tiền gửi	6.986.154.013	1.663.048.987
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.094.800.000	1.761.865.753
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	-	107.731.519.386
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	252.349.907.257	244.563.630.062
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.628.540.304	4.523.936.793
Doanh thu tài chính khác	1.747.424.994	6.052.111.423
	266.806.826.568	366.296.112.404

**29. Chi phí tài chính**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Chi phí lãi vay	260.241.924.339	355.048.548.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	259.505.091.281	196.240.358.014
Chi phí tài chính khác	1.126.303.852	719.393.807
	520.873.319.472	552.008.300.634

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí bán hàng**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí xuất khẩu	1.794.587.785.556	1.704.544.466.093
Chi phí nhân viên	900.753.976.328	643.035.977.672
Chi phí vận chuyển nội địa	340.407.152.000	356.516.789.419
Chi phí thuê	195.838.571.571	162.547.696.297
Chi phí khấu hao và phân bổ	166.651.322.612	165.968.395.956
Chi phí quảng cáo	94.603.895.769	60.905.209.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.336.100.980	69.488.023.995
Chi phí bán hàng khác	257.463.695.249	181.480.678.090
	<hr/>	<hr/>
	3.832.642.500.065	3.344.487.236.554
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	201.458.245.191	160.841.770.891
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.433.530.407	62.481.994.024
Chi phí thuê	28.253.170.952	27.137.721.765
Chi phí tiếp khách	13.688.805.283	13.002.378.112
Chi phí công tác	10.379.350.253	5.314.297.362
Chi phí dịch vụ chuyên môn	6.231.783.240	7.581.013.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.729.125.866	51.815.526.915
Chi phí quản lý khác	117.053.351.230	97.641.661.313
	<hr/>	<hr/>
	522.227.362.422	425.816.363.938
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thu nhập khác**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	18.002.558.611	17.984.066
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	9.687.889.329	-
Tiền bồi thường thu được	13.264.861.862	7.190.639.755
Các khoản khác	17.547.480.904	7.499.790.864
	<hr/>	<hr/>
	58.502.790.706	14.708.414.685

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	39.321.166.757.145	42.143.228.874.022
Chi phí nhân công và nhân viên	1.392.802.608.806	1.090.357.716.427
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.159.936.099.089	1.185.959.400.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.271.112.972.379	3.389.673.536.999
Chi phí khác	1.168.310.371.154	949.824.551.140
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	93.010.478.757	701.081.358.149
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.111.031.256	1.484.806.116
	94.121.510.013	702.566.164.265
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và (hoàn nhập) các khoản chênh lệch tạm thời	35.687.644.963	(100.577.155.644)
	129.809.154.976	601.989.008.621

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	381.129.461.460	4.915.483.070.880
Thuế theo thuế suất của Công ty	76.225.892.292	983.096.614.175
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.333.778.017)	(180.599.986.752)
Chi phí không được khấu trừ thuế	26.107.027.425	19.772.352.262
Ưu đãi thuế	(15.421.057.778)	(150.545.861.692)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	50.732.146.903	3.580.744.724
Lỗi tính thuế được sử dụng	(612.107.105)	(10.443.765.911)
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây	-	(64.355.894.301)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.111.031.256	1.484.806.116
	129.809.154.976	601.989.008.621

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	30/9/2022		1/10/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	520.276.221.130	55.956.413.431	65.738.844.199	7.445.578.390
Lỗi tính thuế	77.070.259.211	13.101.944.065	64.003.718.845	10.880.632.203
	<b>597.346.480.341</b>	<b>69.058.357.496</b>	<b>129.742.563.044</b>	<b>18.326.210.593</b>

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗi tính thuế bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014 – 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 – 2019).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2016 – 2019) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2020 – 2028).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2020) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2021 – 2024).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

### **35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 và ngày 30 tháng 9 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	251.341.330.129	4.313.507.233.783
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(10.053.653.205)	(172.540.289.351)
	241.287.676.924	4.140.966.944.432

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu Được điều chỉnh lại (*)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	493.481.896	444.298.113
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	99.672.290	99.672.290
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	-	44.456.683
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	2.134.869	289.315
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	164.894
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông</b>	<b>595.289.055</b>	<b>588.881.295</b>

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm kết thúc ngày		
	30/9/2022	30/9/2021	30/9/2021
	VND	VND	VND
		Được điều chỉnh lại (*)	Theo báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	405	7.032	8.465

(\*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ kế toán năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
<b>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</b>		
<b>Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.491.502.543.753	3.491.098.491.681
Cho thuê tài sản	3.486.352.344	3.486.352.344
Mua hàng hóa và thành phẩm	13.030.000	65.433.048
Chiết khấu thương mại	61.952.016.618	29.951.547.928
Mua dịch vụ vận chuyển	69.512.797.002	71.877.987.424
Chi phí thuê hoạt động	11.735.093.390	10.324.829.089
Hàng bán trả lại	4.584.783.491	7.332.794.966
Lãi trả chậm	4.855.265	4.314.972.614
Giảm giá hàng bán	54.727.273	-
Bán tài sản cố định	836.100.000	278.700.000
Bán khác	149.588.019	217.541.773
Mua khác	7.004.452	4.028.182
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An</b>		
Mua dịch vụ vận chuyển	52.736.771.622	56.691.234.612
Cho thuê tài sản	223.500.000	227.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Thù lao</b>		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	300.000.000	290.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	360.000.000	340.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	300.000.000	290.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	2.706.721.532	1.967.900.022
<b>Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	16.587.416.081	34.209.331.101

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	131.482.180.414	138.696.752.863
Trả trước tiền mua tài sản cố định	37.477.825.146	30.320.914.199

**38. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

